TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN SƠN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55 /2025/HNGĐ-ST
Ngày 17/3/2025
Về việc: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà **Đào Thị Thu Thuỷ**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Đặng Thị Huệ**

2. Bà **Hà Thị Vinh**

- *Thư ký phiên toà*: Bà **Nguyễn Thị Hoài Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà **Lương Nguyễn Thảo Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 271/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024, về việc "Ly hôn và giao nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/02/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị T**, sinh năm 1982.

- *Bị đơn:* Anh **Triệu Ngọc T**, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh T.

(*Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T có mặt tại phiên toà*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Triệu Ngọc T cùng xác định anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 08/4/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Thắng Quân (nay là UBND thị trấn Yên Sơn), huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hoà giải, chị Đặng Thị T trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình anh T, thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hoà thuận bình thường, sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và lối sống. Đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất

đồng về quan điểm, lối sống, hiện tại đã sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không yêu thương quý trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Ngọc T.

Về con chung: Chị và anh Triệu Ngọc Tcó 02 con chung tên là Triệu Đức T, sinh ngày 12/12/2000 và Triệu Thị Hằng N, sinh ngày 28/9/2012. Hiện nay cháu T đã trên 18 tuổi và đã có gia đình riêng nên anh chị không đề nghị giải quyết; cháu N đang do anh T nuôi dưỡng nên chị đề nghị anh T tiếp tục là người trực tiếp nuôi dưỡng con Triệu Thị Hằng N sau khi vợ chồng ly hôn; chị không cấp dưỡng nuôi con chùng cùng với anh T vì chị không có khả năng cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị Đặng Thị T xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị Đặng Thị T xác định chị và anh T không có vay nợ chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hoà giải, anh Triệu Ngọc T trình bày: Anh và chị Đặng Thị T (tên gọi ở nhà là Đặng Thị H) về sống với nhau từ năm 2000, đến năm 2004 mới đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Thắng Quân cũ, nay là UBND thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh chị sống chung cùng gia đình anh tại tổ dân phố H, thị trấn Y, huyện Y. Thời gian đầu vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc bình thường. Đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm lối sống. Có lần anh thấy chị T nói chuyện điện thoại với người đàn ông khác, anh nhắc nhở, thu điện thoại và tát cảnh cáo chị Tnên chị T bỏ nhà về nhà ngoại, sau đó anh có đón về. Cho đến tháng 6/ 2024 thì chị T đi làm, không về nhà và ly thân với anh từ đó đến nay. Anh gọi điện thoại không được vì chị T chặn số của anh và hiện anh cũng không biết chị T đang ở đâu, làm gì. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn yêu thương quý trọng chị T, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân vẫn có thể cải thiện được nên anh không nhất trí ly hôn với chị T, đề nghị Toà án bác đơn ly hôn của chị T để gia đình anh được đoàn tụ, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Triệu Đức T, sinh năm 2000 và Triệu Thị Hằng N, sinh ngày 28/9/2012. Hiện nay cháu T đã trưởng thành và có gia đình riêng còn cháu N đang học lớp 7 trường THCS Thắng Quân. Anh mong muốn được đoàn tụ gia đình nên không nhất trí với ý kiến của chị T và không có ý kiến gì về con chung.

Về tài sản chung và về nợ chung: Anh không nhất trí ly hôn nên nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân huyện Yên Sơn đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải giữa chị Đặng Thị T và anh Triệu Ngọc T nhưng không thành.

Tại phiên toà, chị Đặng Thị T có đơn xin xét vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Triệu Ngọc T, đề nghị anh T là người trực tiếp nuôi con chung

Triệu Thị Hằng N, sinh ngày 28/9/2012, chị không có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Triệu Ngọc T có mặt tại phiên toà, anh T trình bày thêm:

Ngày 26 Tết âm lịch 2025 vừa qua chị T có ghé qua ghé lại thăm con gái Triệu Thị Hằng N xong lại đi ngay, trong Tết gia đình anh và họ hàng đã nhiều lần khuyên can và hoà giải nhưng chị T vẫn không ở nhà với chồng con, sau Tết chị T lại đi tiếp, anh cũng không biết chị đi đâu và cũng không thể liên lạc được. Tuy anh mong muốn đoàn tụ với chị T để nuôi dạy con cái nhưng anh cũng xác định từ khi vợ chồng ly thân đến nay anh không biết chị T ở đâu và cũng không có cách nào để chị T trở về chung sống với anh và các con, hiện nay gia đình anh đã không còn tồn tại một gia đình đầy đủ và hạnh phúc như trước nữa, vì vậy anh đồng ý ly hôn với chị Đặng Thị T.

Về con chung: Anh và chị Đặng Thị T có 02 con chung là Triệu Đức T, sinh ngày 12/12/2000 và Triệu Thị Hằng N, sinh ngày 28/9/2012. Hiện nay cháu T đã trên 18 tuổi và đã có gia đình riêng nên anh chị không đề nghị Toà án giải quyết; cháu N đang do anh nuôi dưỡng nên anh đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con Triệu Thị Hằng N sau khi ly hôn; anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh.

Về tài sản chung: Anh xác định anh và chị T không có nhà và quyền sử dụng đất chung (vì vợ chồng sống tại nhà của bố mẹ đẻ anh), anh chị chỉ có một số tài sản là vật dụng sinh hoạt hàng ngày trong gia đình nên anh và chị T sẽ tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn*:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn khi tham gia tố tụng dân sự đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Đặng Thị T (tên gọi khác Đặng Thị H) và anh Triệu Ngọc T ly hôn. Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu Triệu Thị Hằng N, sinh ngày 28/9/2012 cho anh Triệu Ngọc T trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con, do anh Tiếp không yêu cầu nên chị Thặc không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định. Về tài sản và vay nợ chung: Các đương sự cùng xác định tự thoả thuận về tài sản; vay nợ chung không có nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Đề nghị HĐXX tuyên chị Đặng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Đặng Thị T (tên gọi khác Đặng Thị H) và anh Triệu Ngọc T chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật tại UBND xã Thắng Quân (nay là UBND thị trấn Yên Sơn), huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 08/4/2004. Như vậy quan hệ hôn nhân của chị Đặng Thị T và anh Triệu Ngọc T là hợp pháp. Chị Đặng Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung, do vậy Toà án nhân dân huyện Yên Sơn xác định quan hệ pháp luật là: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Các tài liệu, chứng cứ thể hiện bị đơn - anh Triệu Ngọc T hiện đang cư trú và sinh sống tại tổ dân phố H, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh T. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

[3] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ (tống đạt trực tiếp, gửi tổ trưởng dân phố giao trực tiếp) các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Tại phiên toà, anh Triệu Ngọc T có mặt, chị Đặng Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T (tên gọi khác Đặng Thị H), HĐXX nhận định:

[4.1] Đối với yêu cầu xin ly hôn với anh Triệu Ngọc T: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị T – T phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày do bất đồng quan điểm, thiếu sự tin tưởng và tôn trọng nhau nhưng không có cách giải quyết, dẫn đến sống ly thân; chị Đặng Thị T có đơn yêu cầu ly hôn với anh T và đề nghị anh T nuôi dưỡng con chung Triệu Thị Hằng N.

Quá trình Toà án giải quyết vụ án, chị T và anh T đều có bản tự khai về quan hệ hôn nhân; anh T có mặt tại phiên họp và phiên hoà giải do Toà án tiến hành nhưng không ký biên bản với lý do anh không nhất trí ly hôn với chị T. Chị T có đơn đề nghị Toà án không tiếp tục tiến hành hoà giải, chị xác định vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, chị giữ nguyên nội dung khởi kiện.

Như vậy, có đủ cơ sở cho thấy hôn nhân của chị Đặng Thị T và Triệu Ngọc T đã lâm vào tình trạng thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ tiếp tục chung sống. Tại phiên toà anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Triệu Ngọc T.

[4.2] Đối với yêu cầu giao nuôi con chung khi ly hôn: Chị Đặng Thị T và anh Triệu Ngọc T cùng xác định có 02 con chung là Triệu Đức T, sinh ngày 12/12/2000 và Triệu Thị Hằng N, sinh ngày 28/9/2012. Hiện nay cháu T đã trên 18 tuổi, trưởng thành và có gia đình riêng nên anh chị không đề nghị Toà án giải quyết; cháu N đang do anh T nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu anh T tiếp tục nuôi dưỡng

và giáo dục con Triệu Thị Hằng N sau ly hôn, chị không cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T vì hiện nay không có chỗ ở, công việc và thu nhập không ổn định nên không có khả năng cấp dưỡng. Anh T nhất trí tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con Triệu Thị Hằng N, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy việc giao cháu Triệu Thị Hằng N, sinh ngày 28/9/2012 cho anh T tiếp tục là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, vì vậy cần chấp nhận ý kiến của các đương sự về giao nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Do hiện tại anh Triệu Ngọc T không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Đặng Thị T và anh Triệu Ngọc T xác định vợ chồng tự thoả thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về vay nợ chung: Chị Đặng Thị Tvà anh Triệu Ngọc T đều xác định vợ chồng không có vay nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Triệu Ngọc T không phải nộp án phí.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị T và anh Triệu Ngọc T được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T (tên gọi khác: Đặng Thị H) về việc xin ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn đối với anh Triệu Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Tuyên xử: Chị Đặng Thị T (tên gọi khác: Đặng Thị H) và anh Triệu Ngọc T được ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 48 do UBND xã Thắng Quân, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 08/4/2004).

2. Về con chung:

Giao con chung là Triệu Thị Hằng N, sinh ngày 28/9/2012 cho anh Triệu Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn. Chị Đặng Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do hiện tại anh T không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trực tuyến là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000020811166 ký bởi Công ty cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam ngày 25/10/2024 tương ứng với Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002189 ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chị Đặng Thị T đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh Triệu Ngọc T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Anh Triệu Ngọc T có mặt tại phiên toà, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (17/3/2025).

Chị Đặng Thị T vắng mặt tại phiên toà, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn (02 bản);
- CC THA DS huyện Yên Sơn (để thi hành);
- UBND thị trấn Yên Sơn (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thu Thuỷ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Huệ - Hà Thị Vinh **Đào Thị Thu Thủy**

Báo cáo xét xử vụ án HNGĐ

Hồi 14h ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang

Hội đồng xét xử sơ thẩm: Thẩm phán **Đào Thị Thu Thuỷ**

Các Hội thẩm nhân dân: **Lý Thúy Hà** và **Lý Thị Nhân**

- *Thư ký*: **Phạm Kim Tuyến**
- *Kiểm sát viên* **Nguyễn Thị Linh**

Các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thanh Nga**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Hoàng Văn Sơn**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thanh Nga và anh Hoàng Văn Sơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại dân phố 6, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang. Theo chị Nga thì vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn lớn do cách sống hai bên không hòa hợp, luôn xảy ra xung khắc nhất là về làm ăn kinh tế, anh Sơn thường xuyên rượu chè và không tôn trọng gia đình chị. Đỉnh điểm là năm 2018, anh Sơn lao vào cờ bạc không dứt ra được mặc dù hai bên gia đình khuyên can, hậu quả phải bán nhà đất để trả nợ. Do cuộc sống như vậy nên chị đã phải đưa con nhỏ về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống, vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay không còn liên quan gì đến nhau. Nay chị Trần Thanh Nga xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có tương lai, không thể đoàn tụ chung sống được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn Sơn.

Về con chung: Chị Trần Thanh Nga và anh Hoàng Văn Sơn có 01 con chung tên là Hoàng Ngọc Trâm, sinh ngày 30/11/2009, hiện đang do chị Nga nuôi dưỡng. Chị Nga đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, không yêu cầu anh Sơn cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Trần Thanh Nga xác định chị và anh Hoàng Văn Sơn hiện không có tài sản chung và không vay nợ chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã nhiều lần báo gọi làm việc, tiến hành các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải giữa chị Trần Thanh Nga và anh Hoàng Văn Sơn nhưng anh Sơn đều vắng mặt không có lý do.

** Kết quả xác minh với gia đình của anh Hoàng Văn Sơn thể hiện:* Anh Hoàng Văn Sơn và chị Trần Thanh Nga được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Anh chị chung sống tại tổ 6, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang thời gian đầu hạnh phúc, sau khoảng 4-5 năm thì mâu thuẫn, trục trặc do bất đồng trong cuộc sống và làm ăn kinh tế, anh Sơn là lao động tự do công việc không ổn định. Sau đó chị Nga đi làm công nhân ở Thái Nguyên, vợ chồng xa cách nên tình cảm không còn. Khoảng năm 2015 chị Nga chuyển về ở nhà ngoại và đến năm 2020 thì chị chuyển khẩu về Đạo Viện, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Anh chị Sơn – Nga có 01 con chung hiện đang do chị Nga nuôi dưỡng. Anh chị không có tài sản chung gì có giá trị và không thấy vay nợ của ai. Hiện anh Sơn đang đi làm xa không biết địa chỉ chính xác, gia đình có thông báo qua điện thoại cho anh Sơn về giải quyết ly hôn

theo các văn bản của Tòa án nhưng vì công việc anh không về được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Kết quả xác minh với gia đình của chị Trần Thanh Nga thể hiện:* Năm 2009, chị Trần Thanh Nga và anh Hoàng Văn Sơn tự nguyện kết hôn, sau đó sinh sống tại tổ 6 (tổ 9 cũ), phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang. Đến năm 2015, anh chị mâu thuẫn do anh Sơn có hiện tượng nợ nần do cờ bạc, ngoài ra còn hay uống rượu say dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô xát cãi vã. Đầu năm 2018, vợ chồng mâu thuẫn gay gắt nên chị Nga đã đưa con nhỏ Hoàng Ngọc Trâm về sống với nhà bố mẹ đẻ tại thôn 1, xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Từ đó không thấy anh Sơn qua lại thăm nom, nghe nói đi làm ăn xa nhưng không rõ đi đâu, làm gì. Đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của chị Nga theo quy định pháp luật.

** Kết quả xác minh với chính quyền cơ sở thể hiện:* Anh Hoàng Văn Sơn và chị Trần Thanh Nga sau khi đăng ký kết hôn và tổ chức cưới thì về sinh sống tại tổ dân phố 6, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Cách nay 6 -7 năm thì chị Nga không còn ở tổ 6, phường Hưng Thành nữa còn anh Sơn đi làm xa, nhà thường xuyên khóa cửa. Anh chị Sơn – Nga hiện sống ly thân, chị Nga đã đưa con nhỏ của anh chị về ở tại nhà ngoại. Chính quyền tổ 6 có lần có nhận được phong bì của Tòa án gửi cho anh Sơn nhưng cũng không gặp và chuyển được cho anh Sơn. Anh chị Sơn – Nga không vay nợ các tổ chức của tổ dân phố, về vay nợ khác thì địa phương không nắm được.

Do anh Hoàng Văn Sơn không có mặt tại các buổi làm việc theo các giấy báo và thông báo của Toà án vì vậy không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải giữa chị Trần Thanh Nga và anh Hoàng Văn Sơn.

Đề xuất hướng xét xử vụ án

Áp dụng các Điều 28, 35, 147, 166, khoản 2 Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho chị Trần Thanh Nga được ly hôn anh Hoàng Văn Sơn.

2. Về con chung:

Xử: Giao con chung là Hoàng Ngọc Trâm, sinh ngày 30/11/2009 cho chị Trần Thanh Nga trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Anh Hoàng Văn Sơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do hiện tại chị Nga không yêu cầu). Anh Hoàng Văn Sơn có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Trần Thanh Nga phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000196 ngày 14/01/2022

của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Chị Trần Thanh Nga đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh Hoàng Văn Sơn không phải nộp án phí.

Thẩm phán báo cáo

Đào Thị Thu Thuỷ